

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/HNGĐ - ST

Ngày 20/9/2022

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà: Nguyễn Thị Xuân Tiến

2. Bà: Hồ Thị Lan Hương

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Trần Phương Thảo.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*

Ông Nguyễn Đình Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 362/2022/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022, về việc: “**Xin ly hôn**” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2022 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị C**, sinh năm: 1984. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ *Bị đơn:* **Phạm Thanh T**, sinh năm: 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C vắng mặt tại tòa nhưng có lời trình bày tại đơn khởi kiện ngày 14/7/2022 và tại bản tự khai ngày 12/8/2022 như sau:*

Chị và anh Phạm Thanh T kết hôn vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xảy ra gây gổ, anh T thường dùng lời lẽ không hay xúc phạm chị. Anh T ký kết hôn với chị, có con C nhưng không công khai vợ gia đình anh. Chị nhiều lần động viên khuyên giải nhưng anh T bỏ mặc chị làm kinh tế gia đình và nuôi dạy con. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên xin ly hôn với anh T. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

Về con C: Chị và anh T có 01 con C tên Phạm Nguyễn Duy T, sinh ngày 01/9/2021. Sau đó, chị và anh T thống nhất làm thủ tục thay đổi hộ tịch, đổi tên con sang họ mẹ là Nguyễn Duy T. Hiện con C đang sống với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản C và nợ C: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn là anh Phạm Thanh T vắng mặt.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị C đối với anh Phạm Thanh T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn là anh Phạm Thanh T đã được Tòa án tiến hành việc cấp tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Thanh T tự nguyện kết hôn vào năm 2021, **có đăng ký** kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được nên đã ly thân. Chị C cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị nhiều lần động viên khuyên giải tạo cơ hội để vợ chồng hòa hợp nhưng không được nên vào tháng 5/2022 chị đã làm đơn xin ly hôn với anh T. Sau đó, chị xin rút đơn khởi kiện nhằm tạo cơ hội để hai bên hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nay, chị khẳng định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh T. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên hòa giải và được thông báo việc giao nộp chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do, coi như đã từ bỏ thiện chí xin đoàn tụ với chị C. Qua xác minh thu thập chứng cứ ở địa phương nơi anh chị sinh sống cho thấy, chị C và anh T đã xảy ra mâu thuẫn và có thời gian sống ly thân để tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Do, anh chị vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho anh chị đoàn tụ được mà lập biên bản hòa giải không được. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị C và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị C. Xử cho chị C được ly hôn với anh T. Ghi nhận việc chị C không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

[3] Trong thời gian C sống, chị C và anh T có 01 con C tên Nguyễn Duy T, sinh ngày 01/9/2021 hiện đang sống với chị C, chị C yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con C sau khi ly hôn không những là quyền mà còn là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Hiện cháu T đang sống với chị C được chị C quan tâm chăm sóc tốt, hôn nữa cháu Tâm còn nhỏ (mới 12 tháng tuổi) cần được sự quan tâm chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Để đảm bảo cho đời sống của con sau này và để không làm xáo trộn cuộc sống của con nên chấp nhận yêu

cầu của chị C. Giao cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng con C là phù hợp và ghi nhận chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản C: Chị C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về nợ C: Chị C khai không có nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Chị C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

**Vì các lẽ trên;**

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị C đối với anh Phạm Thanh T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Phạm Thanh T. Ghi nhận việc chị C không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

2. Về con C: Chị Nguyễn Thị C được tiếp tục trông nom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con C tên Nguyễn Duy T, sinh ngày 01/9/2021 cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Ghi nhận chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản C và nợ C: Chị C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Do chị C đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0006658 ngày 29/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên được khấu trừ. Chị C đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo, các đương sự vắng mặt tại tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú của các đương sự vắng mặt để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

*Nơi nhận:*

- TAND T. Bến Tre;
- VKS H. Châu Thành;
- CCTHADS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã, phường (nơi ĐKKH).
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thúy Hằng**